

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/HS-ST
Ngày 25-11-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội Thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu
2. Bà Thi Thị Thanh Trúc.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Khởi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Cao Trung Tín - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2024/HSST, ngày 25 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HS, ngày 11 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Thạch Ngọc T, sinh ngày 30 tháng 12 năm 1996. tại tỉnh Trà Vinh. Giới tính: nam.

Nơi cư trú: ấp Đ, xã H, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Phật. Con ông Thạch H, sinh năm 1975 và bà Thạch Thị Phút P, sinh năm 1975. Vợ bà Kim Thị Hiếu N, sinh năm 1999. Con: có 02 người, lớn sinh năm 2018, nhỏ nhất nhất sinh năm 2022.

Tiền án: Không; Tiền sự: không.

Bị cáo Thạch Ngọc T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn từ ngày 31/5/2024 đến ngày 09/6/2024 chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Sơn Rách Ta N1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Bà Thạch Thị H1, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

2.3 Người phiên dịch: Ông Nhan S, sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa gồm: Không có.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 31/5/2024, Bị cáo T do có nhu cầu sử dụng trái phép chất ma túy nên T điện thoại cho một người thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) hỏi mua 350.000 đồng ma túy và người thanh niên đồng ý. Sau đó bị cáo T và người thanh niên này hẹn gặp nhau tại khu vực trên đường H thuộc khóm H, phường H, thành phố T, tỉnh Trà Vinh để giao nhận ma túy. Lúc này, tại nhà bị cáo T có ông Sơn R Ta Na đến chơi nên bị cáo T hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát 30H3-9766 của ông Ta Na. Sau khi mượn được xe mô tô, bị cáo T điều khiển đi đến điểm hẹn gặp người thanh niên nhận 01 (một) bịch nylon màu trắng được hơ kín các mặt bên trong chứa chất ma túy. Sau khi nhận được ma túy và trả tiền xong, bị cáo T điều khiển xe về nhà. Đến khoảng 15 giờ ngày cùng ngày, bị cáo T nhận được điện thoại của ông Nguyễn Vinh Q, sinh năm 1996, nơi cư trú: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh rủ bị cáo T đến nhà nhậu thì T đồng ý. Khi đi, bị cáo T lấy tép ma túy cầm trên tay trái và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 30H3-9766 đi qua nhà của Q. Khi bị cáo T điều khiển xe đến khu vực đường đanl thuộc ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C phối hợp với Công an xã H, huyện C yêu cầu dừng xe để kiểm tra, khi đó bị cáo Thanh thả tép ma túy từ trong tay trái rơi xuống đường tại vị trí bị cáo T dừng xe. Lực lượng Công an phát hiện tạm giữ tép ma túy và tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo T.

Về vật chứng: Khi bắt quả tang, thu giữ của bị cáo Thạch Ngọc T gồm: 01 (một) bịch nylon màu trắng được hơ kín các mặt bên trong chứa chất tinh thể rắn màu trắng nghi là chất ma túy và 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 30H3-9766, hiệu Yamaha Novo.

Sau khi thu giữ, cơ quan Công an tiến hành niêm phong gói nylon trên và tiến hành trưng cầu giám định.

Kết luận giám định số: 259/KL-KTHS, ngày 05/6/2024, của Phòng K Công an tỉnh T: Tinh thể rắn màu trắng chứa trong 01 (một) bịch nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; khối lượng 0,2903 gam.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo T có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Tại Cáo trạng số: 77/CT-VKS.HS, ngày 24/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Thạch Ngọc T tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo T thừa nhận về hành vi đã tàng trữ ma túy loại Methamphetamine là mục đích để bị cáo sử dụng chứ không nhằm mục đích bán lại.

Nay bị cáo thống nhất kết luận giám định số 259/KL-KTHS, ngày 05/06/2024 của Phòng K Công an tỉnh T.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và V đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo T từ 01 (Một) đến 01 (một) năm tù 06 (sáu) tháng tù, về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2024

Ngoài ra vì còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng và buộc bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo T thống nhất theo bản luận tội của Vị Kiểm sát viên, không phát biểu ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo T là bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình, bị cáo đã biết lỗi về hành vi bị cáo đã gây ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia Tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng Hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa ông Sơn Rạch Ta N2 và bà Thạch Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo T tại phiên tòa hôm nay là “Bị cáo có mua ma túy, loại Methamphetamine, mục đích để sử dụng, không nhằm mục đích để mua bán, khi bị cáo chưa sử dụng thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C kết hợp với Công an xã H, huyện C kiểm tra và phát hiện và lập biên bản bắt quả tang” lời khai này của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra cùng với các tài liệu, vật chứng và các chứng cứ

khác do Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh thu thập có được trong hồ sơ vụ án.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì hành vi của bị cáo đã xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước, bị cáo nhận thức và biết được rằng ma túy là chất độc hại, gây nghiện, tác hại trực tiếp đến sức khỏe của con người, làm ảnh hưởng đến sự duy trì nòi giống, gieo cái chết trắng cho con người, gây ra nhiều cảnh gia đình đổ vỡ, còn gây ra cảnh đói nghèo và nhiều hành vi vi phạm pháp luật khác.

[5] Tính chất của vụ án là nghiêm trọng. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Bị cáo nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, do nhằm thỏa mãn cơn nghiện, bị cáo bất chấp để vi phạm pháp luật. Cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo thấp và tư tưởng xem thường pháp luật.

[6] Bản thân bị cáo là người đã thành niên, có sức khỏe ổn định đủ điều kiện tìm việc làm để nuôi sống bản thân và gia đình nhưng bị cáo không lo làm ăn, tạo ra của cải vật chất chính từ sức lao động của mình để vươn lên khá, giàu như nhiều công dân khác. Khi có tiền bị cáo đều dùng vào việc mua ma túy về sử dụng để thỏa mãn cho cơn nghiện của bản thân. Trong khi mọi người dân tích cực tham gia lao động, thực hiện đúng các chính sách của Nhà nước, nhưng bị cáo lại đi ngược nguyện vọng trên.

[7] Để ổn định tình hình trật tự ở địa phương Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm mục đích cải tạo, giáo dục và tạo điều kiện cho bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Hội đồng xét xử cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo T đã thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy gồm: Tinh thể rắn (sau giám định) có khối lượng 0,2779 gam được niêm phong trong phong bì số 259/2024M. Hội đồng xét xử nghĩ nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 30H3-9766, hiệu Yamaha N3 đã trả lại cho bà Thạch Thị H1 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Thạch Ngọc T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 327; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Thạch Ngọc T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

- Xử phạt bị cáo Thạch Ngọc T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 31/5/2024

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy gồm: Tinh thể rắn (sau giám định) có khối lượng 0,2779 gam được niêm phong trong phong bì số 259/2024M.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thi, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Thạch Ngọc T phải chịu số tiền là 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xét xử công khai báo cho bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Liên